

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2021/DS-ST**

Ngày 15/4/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng T dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Ngọc Kinh Luân**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Thanh Trà**

Ông **Huỳnh Tiến**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Phương Trang** - Cán bộ
Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham
gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ly Na** - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành
phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2020/TLST-DS ngày 20
tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng T dụng*”; theo quyết định đưa vụ án
ra xét xử số 51/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Ngân hàng TMCP S.G.**

Trụ sở: Lầu 8, số 266 – 268 N.K.K.N phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí
Minh. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T. Địa chỉ: 783 N. Q, quận S,
thành phố Đà Nẵng. (Theo Giấy ủy quyền số 380/2020/UQ – TTT ngày 09/4/2020).
Có mặt

* Bị đơn: Ông **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: K37/30 (số cũ K37/10) Đ. T. Đ, phường Hải Châu, quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN :

*Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của
nguyên đơn trình bày:*

Ngày 22/03/2018, ông Nguyễn Thành T có ký với Ngân hàng TMCP S.G
(sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ T dụng (bao gồm Giấy đề nghị
cấp thẻ T dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử
dụng thẻ T dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn
cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ T dụng với hạn mức sử dụng
là 20.000.000 đồng với mục đích: tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ T dụng,
ông T đã thực hiện 06 giao dịch với số tiền: 10.027.500 đồng. Trong quá trình sử
dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền
5.119.000 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ.
Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện
phát hành sử dụng thẻ T dụng của Ngân hàng), ngày 01/05/2020 Ngân hàng đã

chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ T dụng của Ngân hàng).

Th đến ngày 25/06/2020, ông Nguyễn Thành T còn nợ ngân hàng các khoản sau:

Dư nợ:	10.131.608 đồng
Lãi quá hạn:	737.576 đồng
Tổng cộng:	10.869.184 đồng

(Bằng chữ: Mười triệu, tám trăm sáu mươi chín ngàn, một trăm tám mươi bốn đồng)

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp và yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán ngay nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông T trả nợ, tuy nhiên ông T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP S.G kính đề nghị quý Tòa thụ lý đơn khởi kiện và hỗ trợ Ngân hàng thu hồi nợ vay theo luật định, cụ thể:

1. Tuyên buộc Ông Nguyễn Thành T phải thanh toán nợ vay cho Ngân hàng TMCP S.G số tiền nợ gốc và lãi phát sinh đến thời điểm xét xử, ngày 15/4/2021 là 14.728.287 đồng

2. Bên bị đơn chịu toàn bộ án phí và các chi phí liên quan khác (nếu có).

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S.G khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thành T phải trả tổng số tiền nợ tạm Th đến ngày xét xử là 14.728.287 đồng. Trong đó: nợ gốc là 10.131.608 đồng và lãi quá hạn là 4.596.697 đồng. Ông Nguyễn Thành T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ thẻ T dụng tiếp tục Th từ ngày 16/4/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Nguyễn Thành T đến tham gia tố tụng nhưng ông T vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến cho rằng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng :

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Thành T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung :

Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP S.G về việc buộc ông Nguyễn Thành T phải trả số tiền 14.728.287 đồng, HĐXX xét thấy:

Ngày 22/3/2018, ông Nguyễn Thành T và Ngân hàng TMCP S.G đã ký kết Hợp đồng sử dụng Thẻ T dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ T dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ T dụng của Ngân hàng— các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình kích hoạt và sử dụng thẻ T dụng, ông Nguyễn Thành T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và toàn bộ số dư nợ gốc Thẻ T dụng đã chuyển thành nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có hoàn thành nghĩa vụ thanh toán của mình.

Như vậy, ông Nguyễn Thành T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng T dụng mà hai bên đã ký kết, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Việc buộc ông Nguyễn Thành T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 10.869.184 đồng và lãi quá hạn là 4.596.697 đồng là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức T dụng, Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Lãi tiếp tục được Th từ ngày 16/4/2021 theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

[3] Về án phí : Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 736.414 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức T dụng và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.G đối với ông Nguyễn Thành T.

Xử : Buộc ông Nguyễn Thành T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S.G phải trả tổng số tiền là 14.728.287. Trong đó nợ gốc là 10.869.184 đồng và lãi là 4.596.697 đồng.

2. Kể từ ngày 16/4/2021 ông Nguyễn Thành T còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ T dụng cho đến khi thanh toán dứt điểm số tiền còn nợ.

Trong trường hợp trong hợp đồng T dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Thành T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 736.414 đồng

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S.G số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0009479 ngày 20/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, Đà Nẵng.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- CCTHADS quận Hải Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Ngọc Kinh Luân

